

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 66/2023/HS-ST

Ngày 06-9-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Mạnh Hà

Ông Hà Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 60/2021/TLST-HS, ngày 11 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Tô Văn Th, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 28/02/1990 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tô Văn M và con bà Toàn Thị Tr; có vợ: Nguyễn Thị Thu Th; con: Có 01 con, sinh 2013; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2017/HSST ngày 27-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, tháng 8/2022 chấp hành xong (chưa được xóa); tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý lý luật; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18-3-2023 đến nay; có mặt;

2. Hứa Văn D, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 03/3/1995 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hứa Văn M và con bà Đinh Thị D; có vợ: Trần Thị D; con: Có 01 con sinh năm 2016; tiền án: Không có; tiền sự: Tại Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã số 20/QĐ-UBND ngày 01-01-2019 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn áp dụng biện pháp cai nghiện tại gia đình với thời hạn 03 tháng; Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 15/QĐ-

TA ngày 19-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn thời hạn cai nghiện là 18 tháng, ngày 13-4-2022 bị cáo chấp hành xong; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý lý luật; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18-3-2023 đến nay; có mặt;

3. Hứa Văn Th, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 13/12/1991 tại huyện C, Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hứa Văn Tvà con bà Trần Thị T; có vợ: Lý Thị C; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý lý luật; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18-3-2023 đến nay; có mặt;

4. Tô Văn Tr, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 08/5/1994 tại huyện C, Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tô Văn Đ và con bà Phạm Thị P; có vợ: Tàng Thị T; con: Có 03 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý lý luật; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18-3-2023 đến nay; có mặt;

5. Tô Văn Nh, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 19/12/1977 tại huyện C, Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tô Văn Trường và con bà Lương Thị B; có vợ: Hứa Thị S; con: Có 03 con, lớn 19 tuổi, nhỏ 10 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý lý luật; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18-3-2023 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hứa Văn D:* Bà Hoàng Thị H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

- *Người bào chữa cho bị cáo Tô Văn Tr:* Bà Hoàng Thị Th, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nông Thị H và anh Tô Văn H, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

2. Chị Tô Thanh S, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt;

3. Ông Hứa Văn M, sinh năm 1969, và bà Đinh Thị D, địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

4. Bà Đinh Thị D, địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

5. Chị Hứa Thị S, sinh năm 1982 địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ, 45 phút, ngày 17/3/2023, Tổ công tác gồm Phòng phòng chống ma túy và tội phạm, Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Phòng An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại Chốt kiểm soát người và phương tiện ra vào khu vực biên giới thuộc thôn Bản R, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn phát hiện 01 đối tượng nam giới đang điều khiển xe máy đeo thêm 01 người khác đi từ hướng biên giới vào nội địa có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác đã yêu cầu dừng lại kiểm tra, qua kiểm tra người điều khiển xe mô tô khai họ tên là Tô Văn Tr và khai người ngồi sau là Hoàng Tô K sinh ngày 22/5/2006 tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Tổ công tác đưa 02 đối tượng về trụ sở UBND xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để làm rõ.

Quá trình điều tra xác định: Trong ngày 17/3/2023, tham gia tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép còn có các đối tượng: Tô Văn Th, Hứa Văn D, Hứa Văn Th, Tô Văn Nh cùng đưa 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, cụ thể như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 17/3/2023, Tô Văn Th từ nhà đi lên rừng thông của gia đình gần biên giới thuộc Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, khi đến khu vực cột mốc 1207 thì gặp một người đàn ông Trung Quốc khoảng 45 tuổi, không biết họ tên, địa chỉ đang đứng cạnh hàng rào biên giới bên Trung Quốc. Qua nói chuyện (*trao đổi bằng tiếng Tày*), người này đặt vấn đề với Th đón 06 khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ khu vực mốc 1207 đưa ra thành phố Lạng Sơn, tiền công là 4.000.000 đồng/người và trả thêm cho Th 2.000.000 đồng, hẹn Th khoảng hơn 18 giờ đến đón khách, Th đồng ý.

Từ 14 giờ đến 17 giờ cùng ngày, Th đến nhà Hứa Văn D và Tô Văn Tr; Th cho D và Tr biết đến tối có 06 khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép, Th bảo cả hai chở khách từ thôn P, xã X ra gần thành phố L, tiền công là 4.000.000 đồng/01 người và bảo cả hai gọi thêm người cùng đi đón, D và T đồng ý. Đến 18 giờ 00 cùng ngày, Tô Văn Nh đến nhà Tc chơi, tại đây T cho N biết tối nay có 06 khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép, bảo N chở 01 người từ thôn P ra xã H, huyện C, tiền công là 4.000.000 đồng, N đồng ý. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T đi xe mô tô mang biển kiểm soát 12H1 - 070.65, từ nhà đến nhà D đón D lên khu vực mốc biên giới để đón khách Trung Quốc nhập cảnh. Trên đường đi, D cho T biết đã rủ Hứa Văn Th cùng tham gia, T đã đồng ý đi chở khách cho T. Khoảng 19 giờ, T và D đến gần khu vực biên giới, cách cột mốc 500m, T bảo D chờ ở đây để T đi đón khách. Khoảng 20 giờ, T đến cột mốc thấy có 07 người đàn ông Trung Quốc đã chờ ở gần hàng rào biên giới Trung Quốc. Lúc này, Th thấy người đàn ông Trung Quốc đã đặt vấn đề thuê Th trước

đó bảo 06 người đàn ông Trung Quốc còn lại trèo qua hàng rào để nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Sau đó người này cho T số điện thoại 0960.913.640 và dặn liên lạc theo số điện này để giao khách và nhận tiền công, đồng thời bảo gửi số điện thoại của T cho người này. Sau khi đón được khách, T dẫn 06 người Trung Quốc đến chỗ D, lúc này có 01 người Trung Quốc bị đau chân nên T lái xe chở đi trước, dặn D dẫn 05 người còn lại đi bộ về thôn Pò Mã, T sẽ đợi. Khi T đang chở khách đi thì T nhận được cuộc gọi từ số 0960.913.640 của một người đàn ông bảo T cứ chở khách ra gần thành phố L thì gọi người này đi xe vào đón và trả tiền công cho.

Khoảng 21 giờ, D đưa 05 khách Trung Quốc về gần đến thôn Pò Mã và gọi điện thoại bảo Hứa Văn Th lên chở khách. Sau đó, Th đi xe mô tô mang biển kiểm soát 12D1 - 329.49 ra đầu làng thôn thì gặp D cùng 05 người đàn ông Trung Quốc, D bảo T chở 02 người đến chỗ T và cho số điện thoại của T để liên lạc, Th đồng ý và chở 02 người Trung Quốc đến chỗ T. Sau đó, T gọi điện thoại bảo D dẫn 03 người còn lại đến gần nhà Tr để Tr cùng chở số khách này. T tiếp tục gọi điện thoại cho Tr thông báo đã đưa khách về đến thôn P, khi nào D gọi thì đi chở khách; T thông báo cho Th biết đã bảo Tô Văn Nh cùng đi chở khách. Sau đó, Th chở 02 người, T chở 01 người Trung Quốc đi ra thành phố Lạng Sơn.

Khoảng 21 giờ 30 phút, D dẫn 03 khách còn lại đến gần nhà Tr rồi gọi điện thoại bảo Tr ra chở khách. Lúc này, Tr gọi điện thoại bảo Nùng đi xuống đường bê tông ở gần nhà đón khách. Khi Tr và N đến nơi thấy D đang dẫn 03 người đàn ông Trung Quốc từ bờ ruộng đi lên, D bảo mỗi người chở một người đi ra xã H và bảo Tr chở hộ 01 người đàn ông Trung Quốc đi ra đường chính để D đi lấy xe mô tô. D về nhà lấy xe mô tô và quay lại chỗ N và Tr đợi. Sau đó D, Tr, N, mỗi người chở 01 người Trung Quốc từ thôn P đi ra xã H, huyện C, trên đường đi thì Tr đi trước, N và D đi sau.

Khoảng 22 giờ 45 phút, khi Tr chở 01 khách Trung Quốc đi đến Chốt kiểm soát thuộc thôn B, xã C, huyện C thì bị lực lượng chức năng bắt giữ. Tô Văn Nh và Hứa Văn D đi sau thấy Tr bị lực lượng chức năng bắt giữ nên đã bỏ chạy. Sau khi biết lực lượng chức năng đang truy bắt, D và Nh đã đưa 02 người đàn ông Trung Quốc nhập cảnh trái phép đến Đồn Biên phòng Ba Sơn đầu thú. Căn cứ lời khai của các đối tượng, lực lượng chức năng đã tiến hành truy tìm, bắt được đối tượng Tô Văn Th, Hứa Văn Th cùng 03 người đàn ông Trung Quốc nhập cảnh trái phép tại khu vực thôn Co Phường, xã Hải Yến, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Tại bản Cáo trạng số số: 96/CT-VKS-P2, ngày 08/8/2023 đã truy tố các bị cáo Tô Văn Th, Hứa Văn D, Hứa Văn Th, Tô Văn Tr và Tô Văn Nh ra trước Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn để xét xử các bị cáo về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Tô Văn Th, Hứa Văn D, Hứa Văn Th, Tô Văn Tr và Tô Văn Nh đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và xin Tòa xem xét

giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Tại cơ quan điều tra, chị Tô Thanh S là em gái ruột của bị cáo Tô Văn Th cho biết, xe mô tô 12H1 - 070.65 là tài sản của chị mua năm 2014, với giá 12.500.000 đồng tại một cửa hàng xe máy tại thành phố Lạng Sơn, sau khi mua xe chị và những người thân trong gia đình cùng nhau sử dụng. Vào ngày 17-3-2023 Tô Văn Th sử dụng chiếc xe mô tô nói trên đi chở người Trung Quốc nhập cảnh, chị không biết, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại xe ô tô nói trên cho chị.

Bà Nông Thị H là chị dâu của bị cáo Tô Văn Tr trình bày, xe mô tô mang biển kiểm soát 12D1 - 307.33 là do con trai bà là Tô Văn Huỳnh bỏ tiền ra mua và đứng tên xe, năm 2022 anh Tô Văn Huỳnh đi xuất khẩu lao động tại Philipine và đã giao lại xe cho bà Nông Thị H quản lý, sử dụng bà đã cho Tô Văn Tr mượn xe để đi chở máy cày, nhưng chưa thấy TR đem trả, bà không biết Tô Văn Tr sử dụng xe mô tô để chở người nhập cảnh trái phép. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe cho Tô Văn Huỳnh.

Ông Hứa Văn M và bà Đinh Thị D là bố mẹ của bị cáo Hứa Văn D, cho biết xe mô tô biển kiểm soát 12T1 - 066.91 là tài sản của gia đình ông bà, năm 2015 ông bà đã đưa tiền cho Hứa Văn D xuống thành phố Lạng Sơn mua tại một cửa hàng xe máy cũ, việc Hứa Văn D sử dụng xe của ông bà đi chở người trái phép ông bà không được biết, nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe cho gia đình bà. Ngoài ra, bà Đinh Thị D còn đề nghị xin lại 01 chiếc điện thoại mà cơ quan điều tra đang tạm giữ của Hứa Văn D.

Ý kiến của chị Hứa Thị S: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12D1 -160.67, nhãn hiệu YAMHA là nguồn tiền do hai vợ chồng bỏ tiền ra mua, đây là tài sản chung của hai vợ chồng. Việc bị cáo Tô Văn Nh lấy chiếc xe này đi chở người nhập cảnh trái phép chị không được biết, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe này cho chị.

Ý kiến, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo; sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, vai trò, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Tô Văn Th, Hứa Văn D, Hứa Văn Th, Tô Văn Tr và Tô Văn Nh phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Tô Văn Th, xử phạt bị cáo từ 06 năm 06 tháng đến 07 tù;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Tô Văn Nh, Hứa Văn D, Tô Văn Tr, Hứa Văn Th. Đề nghị xử phạt bị cáo Tô Văn Nh từ 05 năm

đến 05 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Tô Văn Tr từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Hứa Văn D từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Hứa Văn Th từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù;

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng và án phí: Đề nghị tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước toàn bộ các điện thoại di động và các xe mô tô đã thu giữ của các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội; buộc các bị cáo Tô Văn Th, Hứa Văn Th, Tô Văn Nh mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự nộp ngân sách Nhà nước; các bị cáo Hứa Văn D, Tô Văn Tr được miễn án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo, những người có quyền quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Hứa Văn D, trình bày: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên khi xem xét trách nhiệm của bị cáo cũng cần xem xét đến nguyên nhân, hoàn cảnh và điều kiện phạm tội của bị cáo, vì bị cáo có khó khăn về kinh tế; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cụ thể bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo chưa có tiền án và sau khi phạm tội bị cáo cũng chưa nhận được tiền công; bản thân bị cáo chưa nhận thức đầy đủ về hậu quả của hành vi mà mình gây ra; bị cáo phạm tội bị người khác lôi kéo, rủ rê; vai trò thấp hơn các bị cáo khác. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo mức án 05 năm 06 tháng tù là hợp lý; trả lại bị cáo chiếc xe mô tô và miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Tô Văn Tr, trình bày: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng cũng như các tình tiết giảm nhẹ. Tuy nhiên bị cáo chưa nhận thức đầy đủ về hành vi và hậu quả của hành vi do mình thực hiện; bị cáo thực hiện với vai trò giúp sức thứ yếu, không phải là người khởi xướng, cầm đầu. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc hộ cận nghèo; bị cáo có ông nội được tặng thưởng Huân chương; bản thân là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và do không có trình độ học vấn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo mức án 05 năm tù; đề nghị trả lại bị cáo chiếc xe mô tô và miễn án phí cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại

phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ để xác định: Vì mục đích vụ lợi, hồi 22 giờ 45 phút, ngày 17/3/2023, tại địa phận thôn Bản R, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, các bị cáo Tô Văn Th, Hứa Văn D, Hứa Văn Th, Tô Văn Tr và Tô Văn Nh đang thực hiện hành vi đưa 06 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép để đi sâu vào nội địa Việt Nam để nhận tiền công là 4.000.000 đồng/người nhưng chưa thực hiện trót lọt thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt giữ. Vì vậy, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gây mất ổn định xã hội tại địa phương, nhất là khu vực biên giới, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân lao động. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; các bị cáo nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[4] Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, bị cáo Tô Văn Th là người giữ vai trò chính, là đầu mối tiếp nhận thông tin từ đối tượng bên Trung Quốc, xác định về thời gian, địa điểm, số tiền công để đón người nhập cảnh trái phép, sau đó bị cáo đã rủ thêm các bị cáo Tô Văn Tr, Hứa Văn D cùng tham gia, sau đó bảo các bị cáo Tô Văn Tr, Hứa Văn D rủ thêm người; các bị cáo Tô Văn Tr, Hứa Văn D là người giữ vai trò thứ 2, thể hiện các bị cáo đã rủ thêm các bị cáo Hứa Văn Th, Tô Văn Nh cùng tham gia, các bị cáo Hứa Văn Th, Tô Văn Nh có vai trò thứ 3 đồng phạm giúp sức và trực tiếp chở khách nhập cảnh để nhận tiền công.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo Tô Văn Tr, Tô Văn Nh, Hứa Văn Th là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Bị cáo Tô Văn Th có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 22/8/2022, chưa được xóa án tích. Đối với bị cáo Hứa Văn D tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã số 20/QĐ-UBND ngày 01/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã bị áp dụng biện pháp cai nghiện tại gia đình với thời hạn 03 tháng, sau đó tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 15/QĐ-TA ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, thời hạn

cai nghiện là 18 tháng, ngày 13/4/2022 bị cáo chấp hành xong, chưa được xóa tiền sự. Như vậy, bị cáo Hứa Văn D, Tô Văn Th là người có nhân thân xấu.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Tô Văn Tr, Hứa Văn D, Hứa Văn Th, Tô Văn Nh không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Tô Văn Th có 01 tiền án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, cần xác định lần phạm tội này của bị cáo Tô Văn Th thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Tô Văn Nh, Hứa Văn D đã ra đầu thú; bố của bị cáo Tô Văn Tr là ông Tô Văn Đ được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; ông Tô Văn M là bố của bị cáo Tô Văn Th được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp xây dựng và phát triển Hội cựu Giáo chức Việt nam; ông nội của bị cáo Tô Văn Nh là ông Tô Viết M được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; ông nội của bị cáo Hứa Văn Th là ông Hứa Văn T được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; Tô Văn Tr, Hứa Văn D thuộc hộ cận nghèo, là đối tượng được trợ giúp pháp lý. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Vì các lẽ trên, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị trừng trị trước pháp luật, xử tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Nhưng cũng cần xem xét đến tính chất, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân và điều kiện hoàn cảnh phạm tội; xét thấy, các bị cáo tuổi đời còn trẻ; phạm tội nhưng chưa được nhận lợi ích vật chất, nên cần xem xét để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo trở thành người có ích cho xã hội đồng thời đảm bảo tính răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

[9] Đối với người đàn ông Trung Quốc thuê bị cáo Tô Văn Th tổ chức cho 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, do Tô Văn Th không biết họ tên, địa chỉ và các thông tin khác của người này nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh làm rõ; Đối với người đàn ông nhận đón khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép sử dụng số điện thoại 0960.913.640, do bị cáo Tô Văn Th không biết họ tên, địa chỉ và chưa được gặp người này nên không có căn cứ xác minh làm rõ. Xác minh số điện thoại 0960.913.640 chủ thuê bao là: Lê Thị Ng, sinh ngày: 21/01/1991, nơi thường trú: Số A, đường B, phường Ch, quận H, Thành phố Hà Nội. Cơ quan An ninh điều tra tỉnh Lạng Sơn đã ủy thác điều tra cho Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố Hà Nội xác minh, triệu tập ghi lời khai đối với Lê Thị N. Kết quả: Ng không được đăng ký và sử dụng số điện

thoại 0960.9136.40, không cho ai mượn căn cước công dân để đăng ký thông tin thuê bao trên, kiểm tra điện thoại của Ng không phát hiện nội dung liên quan đến số điện thoại này. Do vậy, Lê Thị Ng không liên quan đến vụ án. Đối với 06 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép gồm: Hoàng Tô K, Đàm Ngũ H, Hồng Ngân Ph, Đới Phúc V, Vi Hòa Ch, Phan Phú L quá trình điều tra xác định do không có việc làm ổn định nên 06 công dân này lên mạng xã hội để tìm kiếm việc làm và quen biết những người môi giới (*là người Trung Quốc, không biết họ tên, địa chỉ*) giới thiệu có công việc lương cao tại Việt Nam và được người môi giới đưa khu vực biên giới Trung Quốc - Việt Nam để nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Khi 06 công dân này đang trên đường đi vào nội địa Việt Nam thì bị lực lượng chức năng phát hiện và đưa về trụ sở làm việc. Ngày 22/3/2023, Công an tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các công dân trên về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất nhập cảnh bằng hình thức phạt chính là 4.000.000 đồng/01 người, hình phạt bổ sung là trục xuất. Ngày 12/4/2023, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Lạng Sơn đã bàn giao 06 công dân Trung Quốc cho Trạm Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị để tiến hành trục xuất về Trung Quốc theo quy định. Đối với xe mô tô và điện thoại di động do các bị cáo sử dụng trong quá trình tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 12D1-329.49, nhãn hiệu HONDA Wave màu đen do Hứa Văn Th chở người nhập cảnh trái phép, chiếc xe này mang tên ông Hứa Văn T bố của bị can Hứa Văn Th. Th lấy xe để chở người nhập cảnh trái phép nhưng ông T không biết. Ngày 15/5/2023, ông T có đơn xin lại xe, Do vậy, ngày 01/6/2023, Cơ quan An ninh điều tra đã ra Quyết định trả lại chiếc xe trên cho ông Hứa Văn T. Các vật chứng còn lại đang được lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn chờ xử lý.

[10] Về tài sản, đồ vật đã thu giữ của các bị cáo:

[10.1] Đối với những chiếc điện thoại di động mà các bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội thì cần tịch thu, hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước.

[10.2] Đối với 01 chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 12H1-070.65 do bị cáo Tô Văn Th sử dụng để chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Tại cơ quan điều tra xác định nguồn gốc chiếc xe trên là tài sản của chị Tô Thanh S mua tại một cửa hàng xe máy cũ, sau khi lập gia đình Tô Thanh S đã để lại cho gia đình cùng sử dụng, việc Tô Văn Th sử dụng xe mô tô nói trên để thực hiện hành vi phạm tội thì những thành viên trong gia đình không ai biết. Xét thấy những người này không có lỗi, nên Hội đồng xét xử trả lại tài sản cho chủ sở hữu là chị Tô Thanh S.

[10.3] Đối với 01 chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 12D1-307.33 do bị cáo Tô Văn Tr sử dụng để chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, xe mô tô nói trên do Tô Văn Tr mượn của bà Nông Thị H, nhưng chiếc xe này là do Tô Văn H bỏ tiền ra mua, khi mượn xe vào buổi sáng, Tô Văn Tr nói là đi chở máy cày và đến tối không đem trả cho bà H, khi Tr đi chở người nhập cảnh trái phép

không nói cho bà Héo biết, do đó bà Nông Thị H không liên quan đến hành vi đón người nhập cảnh trái phép của Tô Văn Tr và không có lỗi nên Hội đồng xét xử trả lại tài sản cho chủ sở hữu là Tô Văn Huynh.

[10.4] Đối với xe mô tô mang biển kiểm soát 12T1-066.91 do bị cáo Hứa Văn D sử dụng để chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định năm 2015 ông Hứa Văn M và bà Đinh Thị D đưa tiền cho Hứa Văn D ra cửa hàng xe máy cũ tại thành phố Lạng Sơn mua xe mô tô nói trên về để sử dụng. Do ông Hứa Văn M và bà Đinh Thị D đều không biết Hứa Văn D sử dụng xe để chở người nhập cảnh trái phép nên những người này không có lỗi. Hội đồng xét xử trả lại tài sản trên cho ông Hứa Văn M và bà Đinh Thị D.

[10.5] Đối với xe mô tô mang biển kiểm soát 12D1-160.67 do bị cáo Tô Văn Nh sử dụng để chở người nhập cảnh trái phép, chị Hứa Thị S là vợ bị cáo không biết việc bị cáo sử dụng vào thực hiện hành vi phạm tội. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định xe mô tô trên là tài sản chung của Tô Văn Nh và vợ là chị Hứa Thị S tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân (mua vào năm 2015), mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản chung, chị Sên không có lỗi. Vì vậy, Hội đồng xét xử tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe cho chị Hứa Thị S.

[11] Về biện pháp tư pháp: Các bị cáo ở người Trung Quốc nhập cảnh nhưng chưa được thu lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Đối với chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 12D1-329.49, nhãn hiệu HONDA Wave màu đen, ngày 01/6/2023, Cơ quan An ninh điều tra đã ra Quyết định trả lại chiếc xe cho ông Hứa Văn T, do vậy Tòa án cần xác nhận việc trả lại chiếc xe này cho ông T.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, của những người bào chữa, đề nghị nào phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[14] Về án phí: Các bị cáo Tô Văn Th, Hứa Văn Th, Tô Văn Nh bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước; các bị cáo Hứa Văn D, Tô Văn Tr là hộ cận nghèo và tại phiên tòa xin miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[15] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Tô Văn Th;

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Tô Văn Nh, Hứa Văn D, Tô Văn Tr, Hứa Văn Th.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, 3 Điều 106; khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tô Văn Th, Hứa Văn D, Hứa Văn Th, Tô Văn Tr, Tô Văn Nh phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Tô Văn Th 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 18-3-2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Hứa Văn D 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 18-3-2023.

2.3. Xử phạt bị cáo Tô Văn Tr 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt là ngày 18-3-2023.

2.4. Xử phạt bị cáo Hứa Văn Th 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt là ngày 18-3-2023.

2.5. Xử phạt bị cáo Tô Văn Nh 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt là ngày 18-3-2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, cũ đã qua sử dụng, màn hình bị nứt, vỡ; số IMEI1: 860466058595150; IMEI2: 860466058595143, bên trong lắp 01 sim Viettel thu giữ của bị cáo Tô Văn Tr;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen, cũ đã qua sử dụng; số IMEI: 359372101790335 và IMEI: 359372101790343 bên trong lắp 02 sim Viettel thu giữ của bị cáo Hứa Văn D;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen, cũ đã qua sử dụng; số

IMEI1: 863785069324111; IMEI2: 863785069324103 bên trong lắp 02 sim Viettel thu giữ của bị cáo Tô Văn Nh;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12 màu đen, cũ đã qua sử dụng; số IMEI1: 864738043366996; IMEI2: 864738043366988, bên trong lắp 01 sim Viettel thu giữ của bị cáo Tô Văn Th;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5i màu xanh, cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 860343042109531; IMEI2: 860343042109523 thu giữ của bị cáo Hứa Văn Th.

- ½ giá trị của 01 (một) xe mô tô mang BKS: 12D1-160.67, nhãn hiệu YAMHA; số máy E3S1E014458; số khung: RLCUE1310FY013040, cũ đã qua sử dụng; số loại: JUPITERFI2VP2; màu sơn: đen đỏ; dung tích xi lanh: 113,7; số chỗ ngồi 2; năm sản xuất 2015 sau khi hóa giá.

3.2. Trả người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.2.1. Cho chị Tô Thanh S 01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát 12H1 - 07065, nhãn hiệu HONDA WAVE, số máy: JC52E4438021, số khung: RLHJC5219CY462321, cũ đã qua sử dụng; loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³; số loại: JC521; màu sơn: Trắng đen; dung tích xi lanh: 109; số chỗ ngồi: 2. (tại thời điểm giao nhận không có chìa khoá kèm theo xe).

3.2.2. Cho anh Tô Văn H 01 (một) xe mô tô cũ đã qua sử dụng, mang biển kiểm soát 12D1 - 307.33, nhãn hiệu HONDA, số máy JA39E1623712, số khung RLHJA3915LY285332; loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³; số loại: JA391 WAVE; màu sơn: Xanh đen; dung tích xi lanh: 109,1; số chỗ ngồi: 2; năm sản xuất: 2020. Tại thời điểm giao nhận xe không có gắn biển kiểm soát, yếm xe bị vỡ.

3.2.3. Cho ông Hứa Văn M và bà Đinh Thị D 01 (một) xe mô tô mang BKS 12T1 - 066.91, nhãn hiệu HONDA màu sơn: Xanh đen bạc; số khung: RLHHC1219DY169947; số máy: HC12E5170099, xe cũ đã qua sử dụng; số chỗ ngồi: 2; năm sản xuất: 2013; loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³; số loại: HC121 WAVE; dung tích xi lanh: 97.

3.2.4. Cho chị Hứa Thị S ½ giá trị của 01 (một) xe mô tô mang BKS: 12D1-16067, nhãn hiệu YAMHA; số máy E3S1E014458; số khung: RLCUE1310FY013040, cũ đã qua sử dụng; số loại: JUPITERFI2VP2; màu sơn: Đen đỏ; dung tích xi lanh: 113,7; số chỗ ngồi: 2; năm sản xuất 2015, sau khi hóa giá.

Xác nhận, ngày 01/6/2023, Cơ quan An ninh điều tra đã ra Quyết định trả lại chiếc xe chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 12D1-329.49, nhãn hiệu HONDA Wave màu đen cho ông Hứa Văn Tuyên.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10 tháng 8 năm 2023).

4. Về án phí: Các Tô Văn Th, Tô Văn Nh, Hứa Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Các bị cáo Hứa Văn D, Tô Văn Tr được miễn tiền án phí hình

sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PA 09 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người TGTG khác;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Đức Trí